

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Thư giới thiệu sản phẩm:

Tên thương mại : Elecsys free PSA  
Mã sản phẩm : 08828610214

Sản phẩm được bán theo bộ và bao gồm các thành phần sau:

- SA Coat-Beads
- R1
- R2

**Sau đây là thông tin tổng quan về các thành phần ghi nhãn của bộ sản phẩm:**

#### Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

#### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

**Sản phẩm được đánh giá theo thông số kỹ thuật của Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế (IATA) với kết quả như sau:**

Không được chỉ định theo quy định

**Elecsys free PSA**Version  
2.3Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : SA Coat-Beads

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza  
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25  
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

**Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng**Mục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm  
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm  
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Được biết là chưa xảy ra.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

**Thành phần**

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Sucrose	57-50-1	$\geq 1,5$ -< 3
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,0025$ -< 0,025

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.  
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.  
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Xúc miệng bằng nước.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không có thông tin.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Carbon ôxit  
Nitơ ôxit (NOx)  
Ôxit lưu huỳnh

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sản phẩm không tự cháy.

Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất  
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.

Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.  
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.  
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).  
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được hít hơi/bụi.  
Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.  
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn nội bộ

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.  
kho lưu trữ

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

#### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
.alpha.-D-Glucopyranoside, .beta.-D-fructofuranosyl	57-50-1	TWA	10 mg/m <sup>3</sup>	ACGIH

**Các biện pháp kiểm soát  
thiết bị phù hợp** : chưa có dữ liệu

#### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

**Bảo vệ hô hấp** : Trong trường hợp có hơi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng  
độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.

#### Bảo vệ tay

Trong trường hợp bị hóa chất bắn vào:  
**Vật liệu** : Cao su nitrile  
**Thời gian thấm** : > 30 min  
**Độ dày của găng** : > 0,11 mm

Trong trường hợp tiếp xúc toàn bộ:  
**Vật liệu** : cao su butyl  
**Thời gian thấm** : > 480 min  
**Độ dày của găng** : > 0,4 mm

**Ghi chú** : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ  
thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374  
được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho  
các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi  
cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định.  
Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà  
cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện  
sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian  
tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về  
mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

**Bảo vệ mắt** : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khí

**Bảo vệ da và cơ thể** : Quần áo không thấm.  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy  
hiểm tại nơi làm việc.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	thể lỏng, Chứa các vi hạt
Màu sắc	:	trong suốt, không màu, màu nâu đỏ
Mùi đặc trưng	:	không mùi
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	7,1 - 7,4
Điểm/ khoảng nóng chảy	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Sản phẩm không dễ cháy., Không duy trì sự cháy
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	:	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	1,01 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)

**Elecsys free PSA**

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt		
Độ nhớt, động lực học	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ Phán đoán chuyên môn
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

Khả năng phản ứng	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	:	chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Khi có cháy sẽ tạo ra các sản phẩm phân hủy nguy hại như: Carbon ôxit Nitơ ôxit (NO <sub>x</sub> ) Ôxit lưu huỳnh

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

#### **Độc cấp tính**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### **Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường  
miệng : Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg  
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg  
Phương pháp: Phương pháp tính toán

#### **Thành phần:**

##### **Sucrose:**

Độc tính cấp theo đường  
miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 29.700 mg/kg

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính cấp theo đường  
miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403  
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-  
isothiazol-3-one

Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-  
isothiazol-3-one

#### **Ăn mòn/kích ứng da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### **Sản phẩm:**

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431  
Kết quả : Gây bỏng nặng.

#### **Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Sản phẩm:

Ghi chú : Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

#### **Kích thích hô hấp hoặc da**

##### **Nhạy cảm với da**

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

##### **Nhạy cảm với da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

##### **Nhạy cảm với hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

##### **Nhạy cảm với hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

### Thành phần

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429  
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại  
Loài : Chuột lang  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406  
Kết quả : Dương tính  
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### **Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### **Thành phần:**

#### **Sucrose:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm  
Kết quả: Âm tính

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)  
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471  
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm  
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân  
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình  
Loài: Chuột (Đực và cái)  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Thành phần:

#### Sucrose:

Ghi chú : Không có thành phần nào của sản phẩm ở mức cao hơn hoặc bằng 0.1 % được xác định là chất nghi ngờ, có thể hoặc chắc chắn gây ung thư ở người theo quy định của IARC.

### Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Thành phần:

#### N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày  
Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### STOT - Tiếp xúc một lần

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Sản phẩm:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

### Thành phần:

#### Sucrose:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Sản phẩm:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Thành phần:

#### **Sucrose:**

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

### **Lượng độc lặp lại**

#### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : Chuột  
NOEL : 94 mg/kg bw/ngày  
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng  
Thời gian phơi nhiễm : 90 d  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408  
Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào.  
Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loài : Chó  
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày  
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng  
Thời gian phơi nhiễm : 90 d  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### **Độc tính hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### Thành phần:

#### **Sucrose:**

chưa có dữ liệu

### **Thông tin khác**

#### Thành phần:

#### **Sucrose:**

Ghi chú : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### Độc môi trường

##### Sản phẩm:

##### **Đánh giá độc tố sinh thái học**

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

##### Thành phần:

##### **Sucrose:**

##### **Đánh giá độc tố sinh thái học**

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Các sinh vật khác liên quan đến môi trường : chưa có dữ liệu

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc đối với cá : LC50 (*Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 2,33 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): 0,289 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0442 mg/l  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác  
(Tính độc mãn tính) Thời gian phơi nhiễm: 21 d  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-  
isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn  
tính đối với môi trường thủy  
sinh) : 1

1

1

### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

#### Thành phần:

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí  
Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.  
Phân hủy sinh học: 0 %  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

### Khả năng tích lũy sinh học

#### Thành phần:

##### **Sucrose:**

Hệ số phân tán: n-  
octanol/nước : log Pow: -3,7 (20 °C)

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học (log Pow <= 4).

Hệ số phân tán: n-  
octanol/nước : log Pow: Khoảng -0,44 (20 °C)  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

### Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

### Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

#### Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép  
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương
- Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### UNRTDG

- Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được

##### IATA-DGR

- Số UN/ID : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : Không áp dụng được

##### Mã IMDG

- Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Mã EmS : Không áp dụng được  
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng được

**Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý**

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiệu theo nghĩa của ADR/RID,  
ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

### 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

**Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:**

AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.  hydroxyl-2-pyridone Beads
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 08.10.2024  
gần nhất

#### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : USA. ACGIH Threshold Limit Values (TLV)

ACGIH / TWA : 8-hour, time-weighted average

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hoà toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình đọc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 2.3

**Elecsys free PSA**

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

---

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 08.10.2024  
gần nhất  
Ngày ban hành cuối cùng : 08.04.2022  
Ngày ban hành đầu tiên : 12.11.2019

VN / VI / 2304

**Elecsys free PSA**Version  
2.3Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : R1

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza  
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25  
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

**Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng**Mục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm  
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm  
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Được biết là chưa xảy ra.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

**Thành phần**

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,0025$ - $< 0,025$

**4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

- 
- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.  
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.  
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sỹ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sỹ.  
Xúc miệng bằng nước.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sỹ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không có thông tin.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Ôxit photpho  
Natri oxit  
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất  
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa). Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được hít hơi/bụi. Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương. Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn nội bộ
- Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

#### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

**Các biện pháp kiểm soát  
thiết bị phù hợp** : chưa có dữ liệu

#### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay

	Trong trường hợp bị hóa chất bắn vào:
Vật liệu	: Cao su nitrile
Thời gian thấm	: > 30 min
Độ dày của găng	: > 0,11 mm

	Trong trường hợp tiếp xúc toàn bộ:
Vật liệu	: cao su butyl
Thời gian thấm	: > 480 min
Độ dày của găng	: > 0,4 mm

**Ghi chú** : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

**Bảo vệ mắt** : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khít

**Bảo vệ da và cơ thể** : Quần áo không thấm.  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

**Các biện pháp vệ sinh** : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

**Trạng thái** : thể lỏng

**Màu sắc** : màu vàng nhạt

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Mùi đặc trưng	:	không mùi
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	6,4 - 8,4 Nồng độ: 100 %
Điểm/ khoảng nóng chảy	:	chưa có dữ liệu
	:	95 - 100 °C
Điểm cháy	:	không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	1,026 g/cm <sup>3</sup>
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Độ nhớt		
Độ nhớt, động lực	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	:	Tiếp xúc với ánh sáng.
Vật liệu không tương thích	:	Các chất oxy hóa mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

#### Độc cấp tính

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403 Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp. Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### **Ăn mòn/kích ứng da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### **Sản phẩm:**

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

### **Thành phần:**

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431  
Kết quả : Gây bỏng nặng.

### **Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### **Sản phẩm:**

Ghi chú : Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

### **Thành phần:**

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

### **Kích thích hô hấp hoặc da**

#### **Nhạy cảm với da**

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

#### **Nhạy cảm với da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### **Nhạy cảm với hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### **Nhạy cảm với hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

### Thành phần

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429  
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại  
Loài : Chuột lang  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406  
Kết quả : Dương tính  
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### **Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)  
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471  
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm  
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân  
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình

Loài: Chuột (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Ảnh hưởng đến sự phát triển : Loài: Chuột  
của thai

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày

Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### **STOT - Tiếp xúc một lần**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### **STOT - Tiếp xúc lặp lại**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### **Lượng độc lặp lại**

#### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : Chuột

NOEL : 94 mg/kg bw/ngày

Lộ trình ứng dụng : Đường miệng

Thời gian phơi nhiễm : 90 d

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408

Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào

Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Loài : Chó  
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày  
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng  
Thời gian phơi nhiễm : 90 d  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Độc môi trường

#### Sản phẩm:

#### Đánh giá độc tố sinh thái học

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Các sinh vật khác liên quan : chưa có dữ liệu  
đến môi trường

#### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,33 mg/l  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 0,289 mg/l  
dưới nước  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1  
đối với môi trường thủy sinh)

1

1

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0442 mg/l  
và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : Thời gian phơi nhiễm: 21 d  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

#### Thành phần:

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí  
Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.  
Phân hủy sinh học: 0 %  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

### Khả năng tích lũy sinh học

#### Thành phần:

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học (log Pow <= 4).

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: Khoảng -0,44 (20 °C)  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

### Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

### Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

## 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

### Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được

##### IATA-DGR

Số UN/ID : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : Không áp dụng được

##### Mã IMDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Mã EmS : Không áp dụng được  
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng được

#### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiểu theo nghĩa của ADR/RID, ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

#### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/ND-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

#### Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.  PAK<->R-IGG(DET) hydroxyl-2-pyridone Thermo-BSA II succinylated MAB / PAB Impurity
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

### 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 08.10.2024

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

gần nhất

### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hoà toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 2.3  
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 08.10.2024  
gần nhất  
Ngày ban hành cuối cùng : 09.04.2022  
Ngày ban hành đầu tiên : 06.06.2019

VN / VI / 2304



**Elecsys free PSA**

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

---

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : R2

#### Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza  
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25  
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

#### Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm  
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm  
thông tin chi tiết.

### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### Phân loại theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

#### Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

#### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

### 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

#### Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,0025$ -< 0,025
Thermo-BSA-Streptavidin, inact., rec.	Không được chỉ định	< 0,1

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.  
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.  
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Xúc miệng bằng nước.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không có thông tin.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Ôxit photpho  
Natri oxit  
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất  
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.  
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.  
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).  
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hỏa hoạn.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được hít hơi/bụi.  
Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.  
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn nội bộ
- Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

#### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Thermo-BSA-Streptavidin, inact., rec.	Không được chỉ định	IOEL	50 ng/m <sup>3</sup>	Danh mục 3B (Chỉ thị của Tập đoàn Roche K1, Phụ lục 3): OEL = 0,05 µg/m <sup>3</sup>

**Các biện pháp kiểm soát  
thiết bị phù hợp** : chưa có dữ liệu

#### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

##### Bảo vệ tay

Trong trường hợp bị hóa chất bắn vào:

Vật liệu : Cao su nitrile  
Thời gian thấm : > 30 min  
Độ dày của găng : > 0,11 mm

Trong trường hợp tiếp xúc toàn bộ:

Vật liệu : cao su butyl  
Thời gian thấm : > 480 min  
Độ dày của găng : > 0,4 mm

Ghi chú : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: màu vàng nhạt
Mùi đặc trưng	: không mùi
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 6,4 - 8,4 Nồng độ: 100 %
Điểm/ khoảng nóng chảy	: -1 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	: 95 - 100 °C
Điểm cháy	: không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	: 1,026 g/cm <sup>3</sup>
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	: hòa tan được

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Độ hòa tan trong các dung  
môi khác : chưa có dữ liệu

Hệ số phân tán: n-  
octanol/nước : chưa có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy : chưa có dữ liệu

Nhiệt độ phân hủy : chưa có dữ liệu

Độ nhớt

Độ nhớt, động lực : chưa có dữ liệu

Độ nhớt, động học : chưa có dữ liệu

Đặc tính cháy nổ : Không gây nổ

Đặc tính oxy hóa : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.

Tính ổn định : Ổn định trong các điều kiện thông thường.

Phản ứng nguy hiểm : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.  
Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

Các điều kiện cần tránh : Tiếp xúc với ánh sáng.

Vật liệu không tương thích : Các chất oxy hóa mạnh

Phản ứng phân hủy và các  
sản phẩm độc của phản ứng  
phân hủy : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

#### Độc cấp tính

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403  
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one
- Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

#### **Thermo-BSA-Streptavidin, inact., rec.:**

- Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: > 5.001 mg/kg  
Phương pháp: Phán đoán chuyên môn
- Độc tính cấp do hít phải : Ước lượng độc tính cấp: > 30 mg/l  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Phán đoán chuyên môn
- Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: > 5.001 mg/kg  
Phương pháp: Phán đoán chuyên môn

#### **Ăn mòn/kích ứng da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### **Sản phẩm:**

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

- Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431  
Kết quả : Gây bỏng nặng.

**Elecsys free PSA**Version  
2.3Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.**Sản phẩm:**

Ghi chú : Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

**Thành phần:****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

**Kích thích hô hấp hoặc da****Nhạy cảm với da**

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

**Nhạy cảm với da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

**Nhạy cảm với hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

**Nhạy cảm với hô hấp**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

**Sản phẩm:**

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

**Thành phần****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429  
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-oneLoại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại  
Loài : Chuột lang  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406  
Kết quả : Dương tính  
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)  
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471  
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm  
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân  
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình  
Loài: Chuột (Đực và cái)  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486  
Kết quả: Âm tính  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

#### **Tác nhân gây ung thư**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

#### **Độc tính sinh sản**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày  
Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-  
isothiazol-3-one

### STOT - Tiếp xúc một lần

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

### Lượng độc lặp lại

#### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : Chuột  
NOEL : 94 mg/kg bw/ngày  
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng  
Thời gian phơi nhiễm : 90 d  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408  
Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào  
Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loài : Chó  
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày  
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng  
Thời gian phơi nhiễm : 90 d  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

### Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.  
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Độc môi trường

#### Sản phẩm:

#### **Đánh giá độc tố sinh thái học**

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Các sinh vật khác liên quan : chưa có dữ liệu  
đến môi trường

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Thành phần:

#### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-  
isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,33 mg/l  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 0,289 mg/l  
dưới nước Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1  
đối với môi trường thủy sinh)

1

1

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0442 mg/l  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 21 d  
(Tính độc mãn tính) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211  
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-  
isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1  
tính đối với môi trường thủy  
sinh)

1

1

#### **Thermo-BSA-Streptavidin, inact., rec.:**

Độc đối với cá : LC50 : > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc đối với cá (Tính độc mãn : > 1 mg/l  
tính)

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

#### Thành phần:

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính phân hủy sinh học : hiếu khí  
Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.  
Phân hủy sinh học: 0 %  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

### Khả năng tích lũy sinh học

#### Thành phần:

##### **N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học ( $\log Pow \leq 4$ ).

Hệ số phân tán: n-octanol/nước :  $\log Pow$ : Khoảng -0,44 (20 °C)  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

##### **Thermo-BSA-Streptavidin, inact., rec.:**

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : Ghi chú: chưa có dữ liệu

### Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

### Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

## 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

### Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép  
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn  
để tái chế hoặc loại bỏ  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được

##### IATA-DGR

Số UN/ID : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hàng  
hóa máy bay) : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hành  
khách máy bay) : Không áp dụng được

##### Mã IMDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Mã EmS : Không áp dụng được  
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng được

#### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiểu theo nghĩa của ADR/RID,  
ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

### 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

#### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/ND-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

#### Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.  PAK<->R-IGG(DET) hydroxyl-2-pyridone Thermo-BSA II succinylated MAB / PAB Thermo-BSA-Streptavidin, inact., rec. Impurity
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

### 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Elecsys free PSA

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 08.10.2024  
gần nhất

### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hoà toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 2.3  
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 08.10.2024  
gần nhất  
Ngày ban hành cuối cùng : 09.04.2022  
Ngày ban hành đầu tiên : 06.06.2019

**Elecsys free PSA**

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

---

VN / VI / 2304

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
theo Quy định (EU) số 1907/2006, đã được tu chính



**Elecsys free PSA**

Version  
2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ  
sung gần nhất:  
08.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:  
08.10.2024  
Ngày ban hành đầu tiên:  
14.09.2017

---